|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT** PHÚ GIÁO**TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC VĨNH B** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-THPVB | *Phước Vĩnh, ngày Tháng 10 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2021-2022,**

 **tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2022-2023**

**và định hướng công tác 3 công khai cơ sở giáo dục năm học 2022-2023**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số …/PGDĐT-TTr ngày …/…/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2021-2022 và định hướng công tác công khai năm học 2022-2023 theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Trường Tiểu học Phước Vĩnh B báo cáo như sau:

**Phần thứ nhất**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm học 2021-2022 Trường Tiểu học Phước Vĩnh B có 29 lớp với tổng số 1001/484 nữ học sinh (trong đó lớp 1 có 7 lớp, 234/116 HS; lớp 2 có 6 lớp, 196/92 HS; lớp 3 có 6 lớp, 223/119 HS; lớp 4 có 6 lớp, 198/88 nữ và lớp 5 có 4 lớp 150/69 học sinh). Tổ chức học 2 buổi/ ngày với 100% số học sinh, có 29 lớp bán trú với 750 học

 Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên có 52/45 nữ, trong đó CBQL 2/2 nữ; hành chính 8/5 nữ, nhân viên hợp đồng (theo NĐ 68) 3/1 nữ; giáo viên dạy lớp 42/37 nữ.

Trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên đạt chuẩn 47/52 (90,1%). Trình độ chuyên môn của giáo viên dạy lớp đạt chuẩn 42/42 (100%), không có giáo viên chưa đạt chuẩn.

Tình hình cơ sở vật chất nhà trường có 32 phòng học; 4 phòng bộ môn; 1 phòng dành cho học sinh khuyết tật; 1 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị; 1 phòng trải nghiệm 4.0; 1 phòng tuyền thống; 1 phòng y tế; 6 phòng hành chính (HT, PHT, CĐ, Đội, VP, phòng họp); 4 phòng nghỉ giáo viên; 1 nhà đa năng; 1 nhà bảo vệ, 1 nhà xe; 4 khu vệ sinh học sinh, 7 khu vệ sinh giáo viên. Trang thiết bị được đầu tư khá đầy đủ, đồng bộ.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2021-2022**

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

 a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Về điều kiện tuyển sinh là những trẻ em trong địa bàn trong độ tuổi đi học, hoàn thành chương trình học lớp học dưới trước khi vào lớp học trên;

Về chương trình giáo dục, Nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình SGK theo đúng quy định Bộ GDĐT tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT đối với lớp 3,4,5. Riêng lớp 1,2 thực hiện CTGDPT theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục Đào tạo;

Về yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, Phối hợp thông qua BĐD CHMS, thực hiện theo Thông tư 55/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Liên lạc thường xuyên; tạo điều kiện cho HS đến trường; HS chuyên cần, thân thiện, chủ động, sáng tạo trong học tập. Thực hiện các quy định trong Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Về điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...), Đảm bảo đủ điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học; 100% học sinh được học tin học, ngoại ngữ;

Về các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT, sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoại khóa; được tạo điều kiện học bán trú tại trường. Đảm bảo đủ 1 lớp/phòng học, trang bị đủ bàn ghế, điện quạt, bảng thông minh, máy chiếu, tủ đựng hồ sơ, tài liệu, ĐDDH,…;

 Kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được, học sinh được chăm sóc, giáo dục để phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; được giáo viên giúp đỡ để hoàn thành chương trình lớp học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định; được tổ chức rèn luyện để thực hiện tốt các yêu cầu về năng lực, phẩm chất của học sinh theo yêu cầu từng khối lớp;

Về khả năng học tập tiếp tục của học sinh, học sinh hoàn thành chương trình lớp dưới, đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp trên.

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

 Kết quả giáo dục thực tế năm học 2021-2022: số học sinh hoàn thành chương trình lớp học là 983/1001 em, tỉ lệ 98,2% *(9 HS khuyết tật không đánh giá)*, chưa hoàn thành là 18/1001 em, tỉ lệ 1,8%. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 150/150 em, tỉ lệ 100%. Khen thưởng 471 em, tỉ lệ 47,1.

c) Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng giáo dục

Duy trì và nâng cao chất lượng của trường tiểu học đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 từ năm 2020 đến 2025.

Chủ động thực hiện tự đánh giá hằng năm theo Công văn số 807/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 10/9/2019 của Sở GDĐT. Thực hiện nghiêm túc và chính xác theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT

**2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

 a) Cơ sở vật chất

Đảm bảo số lượng, diện tích các phòng học, thư viện, phòng tin học tính bình quân trên học sinh, số thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ hoạt động dạy và học của nhà trường.

 b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đảm bảo số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 52/45 nữ, trong đó BGH 02, GVDL 42, GVBM 09, hành chính 05, nhân viên 03. Trình độ Đại học 40, CĐ 07, TC 02, Dưới TC: 03. Đảm bảo đủ về số lượng CBQL, GV, NV; Trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên đạt chuẩn 47/49 (96%), chưa đạt chuẩn 2/49 (4%). Trình độ chuyên môn của giáo viên dạy lớp đạt chuẩn 42/42 (100%). Xếp loại chuẩn nghề nghiệp mức Tốt 21/43 (48,8%) (gồm cả GV TPT đội), Khá 22/43 (51,2%).

**3. Công khai thu chi tài chính**

Đơn vị đã thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**Phần thứ hai**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2022-2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Khái quát tình hình đơn vị đầu năm học**

Năm học 2022-2023 Trường Tiểu học Phước Vĩnh B có 30 lớp với tổng số 1085/527 nữ học sinh (trong đó lớp 6 lớp Một, số học sinh 217/107 nữ; có 6 lớp Hai, số học sinh 229/115 nữ; có 6 lớp Ba, số học sinh 214/95 nữ; có 6 lớp Bốn, số học sinh 227/122 nữ; có 6 lớp Năm, số học sinh 198/88 nữ). Tổ chức học 2 buổi/ ngày với 100% số học sinh, có 29 lớp bán trú với 897 học sinh tham gia (82,7%)

 Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên có 55/48 nữ, trong đó CBQL 2/2 nữ; hành chính 5/5 nữ, nhân viên (theo NĐ 68) 3/1 nữ; giáo viên dạy lớp 45/40 nữ.

Trình độ đào tạo của cán bộ, giáo viên đạt chuẩn 52/52 (100%). Trình độ chuyên môn của giáo viên dạy lớp đạt chuẩn 45/45 (100%).

Tình hình cơ sở vật chất nhà trường có 32 phòng học; 4 phòng bộ môn; 1 phòng dành cho học sinh khuyết tật; 1 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị; 1 phòng tuyền thống; 1 phòng y tế; 6 phòng hành chính (HT, PHT, CĐ, Đội, VP, phòng họp); 4 phòng nghỉ giáo viên; 1 phòng trải nghiệm 4.9; 1 nhà đa năng; 1 nhà bảo vệ, 1 nhà xe; 4 khu vệ sinh học sinh, 7 khu vệ sinh giáo viên. Trang thiết bị được đầu tư khá đầy đủ, đồng bộ.

**2. Tình hình thực hiện công khai đầu năm học**

Từ đầu tháng 9/2022 đơn vị đã kịp thời bổ sung các biểu mẫu Biểu mẫu 5,6,7,8 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT) và thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Niêm yết công khai tại bảng thông báo của nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét.

 Đối với công khai mức mức thu phục vụ học buổi 2, các khoản thu phục vụ học sinh bán trú và các khoản thu khác cho năm học được nhà trường phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới. Công khai thực hiện thu, chi trong và ngoài ngân sách trước hội đồng sư phạm nhà trường.

**II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023**

**1. Mục tiêu**

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Thực hiện công khai nhằm quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tính đoàn kết nội bộ tốt.

**2. Nội dung thực hiện**

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

Cam kết chất lượng giáo dục:Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*thực hiện theo biểu mẫu 05 ban hành kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017)*.

Chất lượng giáo dục thực tế:Tổng số học sinh; số học sinh học 2b/ngày; số học sinh chia theo năng lực; số học sinh chia theo phẩm chất; số học sinh chia theo môn học; tổng hợp kết quả cuối nămsố học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (*thực hiện theo biểu mẫu 06 ban hành kèm theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017).*

Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

**2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

Cơ sở vật chất: Số phòng học/số lớp; loại phòng học; số điểm trường; tổng diện tích đất; diện tích sân chơi, bãi tập; tổng diện tích các phòng; tổng số thiết bị dạy học tối thiểu; tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập; tổng số thiết bị; nhà bếp; nhà ăn; phòng nghỉ cho học sinh bán trú; nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; nguồn điện (lưới, phát điện riêng); kết nối internet (ADSL); trang thông tin điện tử (website) của trường; tường rào xây (*thực hiện theo biểu mẫu 07 ban hành kèm theoTT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017).*

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo (*thực hiện theo biểu mẫu 08 ban hành kèm theoTT số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017).*

**3. Công khai thu, chi tài chính**

 Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Tình hình tài chính của cơ sở: công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Mức thu phục vụ học buổi 2, các khoản thu phục vụ học sinh bán trú và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm chi phí học tập đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

**3. Định hướng nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện**

Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Niêm yết công khai tại bảng thông báo của nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

 Đối với công khai mức mức thu phục vụ học buổi 2, các khoản thu phục vụ học sinh bán trú và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học, phải thực hiện công khai như sau: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tuyển sinh; Phổ biến hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

 Công khai các chế độ của CBVC, các khoản chi hoạt động hàng quý, 6 tháng, năm; Công khai các khoản thu – chi ngoài ngân sách, quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân hàng tháng, quý.

 Trên đây là báo cáo thực hiện công tác 3 công khai của Trường Tiểu học Phước Vĩnh B./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng GDĐT;- Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  |

**Nguyễn Thị Ngọc Trâm**